

Số: 131/BC-HĐND

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 4 năm 2019

**BÁO CÁO**

**Thẩm tra dự thảo Nghị quyết về việc thống nhất phương án đầu tư, sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới thực hiện dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu Dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa**

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 02/4/2019, của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết về việc đề nghị thống nhất phương án đầu tư, sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới thực hiện dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu Dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh như sau:

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Dự thảo Nghị quyết về việc thống nhất phương án đầu tư, sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới thực hiện dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu Dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; các Nghị định của Chính phủ: số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; số 132/2018/NĐ-CP ngày 01/10/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; số 1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa vay vốn Ngân hàng Thế giới; Thông tư số 111/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ

phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; Công văn số 639/CV-HĐND ngày 29/8/2017 của Thường trực HĐND tỉnh về việc thống nhất chủ trương đầu tư Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

## II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Trong quá trình triển khai thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu Dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, Trung ương đã ban hành một số văn bản có liên quan trực tiếp đến dự án, làm cho phương án đầu tư, sử dụng vốn vay, trả nợ vay thực hiện dự án có sự thay đổi; cụ thể như sau:

- Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về việc cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, thay thế Nghị định số 52/2017/NĐ-CP ngày 28/4/2017; Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 19/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu Dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa theo đó, tỷ lệ vay lại của tỉnh Thanh Hóa là 40% và ngân sách Trung ương cấp phát 60% tổng khoản vay (*theo Nghị định số 52/2017/NĐ-CP của Chính phủ, tỉnh Thanh Hóa vay lại 70% và ngân sách Trung ương cấp phát 30% tổng khoản vay*); đồng thời, bổ sung phí quản lý cho vay lại đối với UBND các tỉnh.

- Văn phòng Chính phủ có Công văn số 6672/VPCP-QHQT ngày 14/7/2018 thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh dự án theo hướng không sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới cho khoản mục lãi trong thời gian thực hiện dự án, phí cam kết, phí thu xếp vốn; đảm bảo chỉ sử dụng vốn vay cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước. Theo đó, một số chi phí (lãi vay trong thời gian thực hiện dự án, phí cam kết, phí thu xếp vốn, thuế VAT) chuyển từ sử dụng vốn vay sang sử dụng vốn đối ứng để thực hiện.

- Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1699/QĐ-TTg ngày 07/12/2018 phê duyệt điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó quy mô của một số hạng mục công trình thuộc dự án có sự thay đổi.

- Do quá trình thẩm định và phê duyệt chủ trương đầu tư dự án chậm so với thời gian dự kiến, nên thời gian thực hiện dự án đã được phê duyệt có sự thay đổi, nên cần được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 27 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài quy định trong thành phần Hồ sơ thẩm định khả năng trả nợ của ngân sách địa phương có: *“Văn bản của hội đồng nhân dân hoặc thường trực hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép huy động vốn để đầu tư hoặc góp vốn đầu tư vào dự án đối tác công - tư theo phương án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và nguồn trả nợ”*. Để đảm bảo đúng thủ tục cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi, thì HĐND tỉnh có văn bản cho phép huy động vốn theo phương án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và nguồn trả nợ.

3. Dự án phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa sau khi trình Bộ Xây dựng thẩm định có sự thay đổi về quy mô một số hạng mục đầu tư; tổng mức đầu tư giảm từ 1.791,7 tỷ đồng xuống 1.776,51 tỷ đồng; thời gian thực hiện dự án từ năm 2018 - 2023; chuyển sang năm 2019 - 2023.

Vì vậy, việc HĐND tỉnh thông qua nghị quyết về việc thống nhất phương án đầu tư, sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới thực hiện dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu Dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa là đúng thẩm quyền.

### III. NHẬN XÉT

#### 1. Khái quát chung về chủ trương đầu tư dự án đã được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất tại Công văn số 639/CV-HĐND ngày 31/7/2017

Trên cơ sở đề xuất của UBND tỉnh tại Công văn số 8968/UBND-THKH ngày 31/7/2017, Thường trực HĐND tỉnh đã ban hành Công văn số 639/CV-HĐND ngày 31/7/2017 thống nhất chủ trương đầu tư dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia; cụ thể:

1.1. Mục tiêu đầu tư: nâng cao tính cạnh tranh của đô thị Tĩnh Gia trong việc thu hút người dân đến ở, thu hút các nhà đầu tư phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch; giảm thiểu thiệt hại do ngập úng thông qua việc cải thiện và duy trì năng lực thoát nước đô thị hiện tại, đảm bảo thoát nước đô thị trong tương lai, khi đô thị hóa theo các quy hoạch được duyệt; thúc đẩy phát triển kinh tế biên khu vực Hải Hòa, Hải Thanh; giảm thiểu nguy cơ tai nạn giao thông qua việc phát triển các hành lang giao thông kết nối; cải thiện công tác quản lý phát triển đô thị có kiểm soát qua các giải pháp mềm trong công tác quản lý đô thị, biến đổi khí hậu; từng bước hiện thực hóa các quy hoạch, kế hoạch được phê duyệt.

1.2. Quy mô đầu tư: dự án được phân chia thành 2 hợp phần.

a) Hợp phần 1: cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị

- Xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn từ xã Ninh Hải đến Cầu Lạch Bạng 2, chiều dài 10,1 km.

- Xây dựng tuyến đường Bình Minh đi đường Sao Vàng - Khu kinh tế Nghi Sơn, chiều dài 2 km.

- Cải tạo, nâng cấp cầu Đò Bè, đường hai đầu cầu, chiều dài 600m.

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi bãi biển Ninh Hải (từ nút A3 đến nút A theo quy hoạch), chiều dài 1,2 km.

- Nạo vét, kè kênh Than, đoạn từ cầu Mai đến cầu Đò Bè, chiều dài 5 km.

- Cải tạo kênh Cầu Trắng, đoạn từ đường tránh Quốc lộ 1A đến kênh Than, chiều dài 6,7 km.

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Xây dựng các khu tái định cư.

b) Hợp phần 2: hỗ trợ kỹ thuật thực hiện đầu tư

- Xây dựng chính sách, thể chế quản lý tài sản đô thị cho cơ quan quản lý và các đơn vị dịch vụ, công ích.

- Xây dựng các chiến lược phát triển du lịch, công nghiệp để tạo việc làm,

tăng khả năng cạnh tranh của đô thị.

1.3. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: khoảng 1.791,7 tỷ đồng (tương đương 79,63 triệu USD); gồm:

- Vốn vay Ngân hàng Thế giới: 1.462,5 tỷ đồng (tương đương 65 triệu USD), trong đó: tỉnh Thanh Hóa vay lại 70% (1.023,75 tỷ đồng, tương đương 45,5 triệu USD); ngân sách Trung ương cấp phát 30% (438,75 tỷ đồng, tương đương 19,5 triệu USD).

- Vốn đối ứng: 329,2 tỷ đồng (tương đương 14,63 triệu USD), trong đó: ngân sách Trung ương hỗ trợ 164,6 tỷ đồng (tương đương 7,32 triệu USD), chiếm 50% tổng vốn đối ứng; ngân sách tỉnh Thanh Hóa 164,6 tỷ đồng (tương đương 7,32 triệu USD), chiếm 50% tổng vốn đối ứng.

1.4. Thời gian thực hiện: dự kiến từ năm 2018 - 2023.

## **2. Phương án đầu tư, sử dụng vốn vay, trả nợ vay thực hiện dự án sau khi điều chỉnh**

### **2.1 Quy mô đầu tư**

\* *Hợp phần 1*: Giải pháp kết cấu - Cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; bao gồm các nội dung đầu tư:

- Xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn từ xã Ninh Hải đến cầu Lạch Bạng 2 có chiều dài khoảng 9,95 km.

+ Quy mô mặt cắt ngang: theo quy hoạch được phê duyệt, mặt cắt ngang tuyến đường có nền đường rộng 48m, nhưng giai đoạn hiện nay chỉ đầu tư với quy mô bề rộng nền đường 27m; bề rộng dải phân cách giữa rộng 3m; bề rộng phần xe chạy 2x8m; bề rộng vỉa hè 2x4m.

+ Cầu Sơn Hải: xây dựng vĩnh cửu, kết cấu bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực; kết cấu nhịp giản đơn, sơ đồ nhịp  $L=2 \times 21\text{m}$ ; khổ cầu 25,0m, gồm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên rộng  $3\text{m}+8\text{m}+0,5\text{m} = 11,5\text{m}$  (2 đơn nguyên cách nhau 2m).

+ Cầu qua kênh Cầu Tráng: xây dựng vĩnh cửu, kết cấu bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực; sơ đồ nhịp:  $L=1 \times 33\text{m}$ ; khổ cầu 25,0m, gồm 2 đơn nguyên, mỗi đơn nguyên rộng  $3\text{m}+8\text{m}+0,5\text{m} = 11,5\text{m}$  (2 đơn nguyên cách nhau 2m).

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng, dải phân cách giữa, hệ thống an toàn giao thông.

- Xây dựng tuyến đường Bình Minh đi đường Sao Vàng - Khu Kinh tế Nghi Sơn có chiều dài khoảng 2,08 km.

+ Quy mô mặt cắt ngang: theo quy hoạch, mặt cắt ngang tuyến đường có nền đường rộng 34m, trong đó: dải phân cách giữa rộng 3m, phần xe chạy 2x10,5m, vỉa hè rộng 2x5m. Trong giai đoạn trước mắt chỉ đầu tư tuyến đường với quy mô bề rộng nền đường 34m; bề rộng dải phân cách giữa rộng 8m; bề rộng phần xe chạy 2x8m; bề rộng vỉa hè 2x5m.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, vỉa hè, cây xanh,

điện chiếu sáng, dải phân cách giữa, hệ thống an toàn giao thông.

- Cải tạo, nâng cấp cầu Đò Bè, đường 2 đầu cầu với chiều dài khoảng 490m.

+ Đường 2 đầu cầu có tổng chiều dài khoảng 0,49km: quy mô mặt cắt ngang bề rộng nền đường 12m; bề rộng phần xe chạy 7m; bề rộng lề 2x2,5m, gia cố lề 2x2m.

+ Cầu Đò Bè: xây dựng vĩnh cửu bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép dự ứng lực; kết cấu nhịp giản đơn, sơ đồ nhịp  $L=2 \times 21,0\text{m}$ ; khổ cầu:  $B_{\text{cầu}} = 11,0 + 2 \times 0,5\text{m}$ ;

+ Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên toàn bộ tuyến đường và cầu;

- Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi bãi biển Ninh Hải có chiều dài khoảng 1,18 km.

+ Quy mô mặt cắt ngang: bề rộng nền đường 27m; bề rộng phần xe chạy 15m; bề rộng vỉa hè 2x6m.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng, dải phân cách giữa, hệ thống an toàn giao thông.

- Cải tạo kênh Than, đoạn từ cầu Mai đến cống Đò Bè với chiều dài khoảng 4,27 km.

+ Nạo vét lòng dẫn kênh Than và gia cố bờ kênh, mái kênh với chiều dài 4,275 km; chiều rộng đáy kênh nạo vét 25,5 m; chiều rộng cơ 3,0 m; độ dốc mái kênh  $m = 2$ ; chiều rộng bờ kênh (tả, hữu) 5,0 m; chiều rộng gia cố mặt bờ kênh 3,5 m; chiều rộng lề 0,75 m.

+ Cải tạo cống Đò Bè.

- Cải tạo kênh Cầu Trắng, đoạn từ Đường tránh Quốc lộ 1A đến kênh Than với chiều dài khoảng 5,6 km.

+ Nạo vét lòng dẫn kênh Cầu Trắng và gia cố bờ kênh, mái kênh với chiều dài 5,602 km; chiều rộng đáy kênh nạo vét 4÷10 m; độ dốc mái kênh  $m = 2$ ; hướng tuyến kênh bám theo tuyến kênh hiện trạng, tuân thủ theo Quy hoạch chung điều chỉnh, mở rộng Khu Kinh tế Nghi Sơn.

+ Xây dựng hệ thống cống tiêu thoát nước ra kênh;

+ Xây dựng cầu cơ giới qua kênh: xây dựng 03 cầu cơ giới qua kênh tại K0+592; K1+160 và K4+888.

+ Xây dựng cầu thô sơ qua kênh: xây dựng 03 cầu thô sơ qua kênh tại các vị trí K5+156; K5+261,54; K5+436.

+ Xây dựng cầu qua tràn (tại K1+200 - phía hữu).

+ Xây dựng 17 cống qua kênh, chiều rộng mặt cống 3,0 m.

- Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho khu vực trung tâm thị trấn Tĩnh Gia;

+ Xây dựng hệ thống công bao, giếng tách thu gom nước thải có nguy cơ

xả vào kênh Cầu Trắng.

+ Xây dựng hệ thống cống bao dọc hai bên bờ kênh Cầu Trắng: khoảng 3.820 m đường cống bao bằng cống tròn bê tông cốt thép đường kính D200mm và 1.500 m đường ống áp lực HDPE DN160.

+ Xây dựng 02 trạm bơm nước thải (01 trạm bơm công suất 15m<sup>3</sup>/h và 01 trạm bơm 25m<sup>3</sup>/h).

+ Xây dựng trạm xử lý nước thải công suất 600m<sup>3</sup>/ngày đêm theo công nghệ hồ sinh học.

- Xây dựng 05 Khu tái định cư tại các xã Ninh Hải, Hải Hòa, Bình Minh, Nguyên Bình, Xuân Lâm với tổng diện tích khoảng 4,7ha.

\* *Hợp phần 2*: Hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ thực hiện dự án

- Xây dựng chiến lược quy hoạch phát triển đô thị tích hợp.

- Xây dựng chiến lược phát triển hệ thống giao thông công cộng.

- Quản lý tài sản.

- Xây dựng các chiến lược phát triển du lịch, công nghiệp để tạo việc làm, tăng khả năng cạnh tranh của đô thị.

- Hỗ trợ thực hiện dự án.

2.2. Tổng mức đầu tư dự án: 1.776,51 tỷ đồng, tương đương 78,96 triệu USD (tạm tính tỷ giá 1 USD = 22.500 VNĐ); trong đó:

- Vốn vay Ngân hàng Thế giới: 1.199 tỷ đồng (tương đương 53,29 triệu USD), trong đó: tỉnh Thanh Hóa vay lại 40% (479,6 tỷ đồng, tương đương 21,32 triệu USD); ngân sách Trung ương cấp phát 60% (719,4 tỷ đồng, tương đương 31,97 triệu USD). Nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới để thực hiện các nội dung gồm: chi phí đầu tư xây dựng 08 hạng mục công trình thuộc Hợp phần 1; chi phí giám sát thi công; chi phí giám sát môi trường độc lập, giám sát tái định cư, giá thay thế; chi phí kiểm toán.

- Vốn đối ứng: 577,5 tỷ đồng (tương đương 25,67 triệu USD), trong đó: ngân sách Trung ương 52,2 tỷ đồng (tương đương 2,32 triệu USD); ngân sách tỉnh 525,3 tỷ đồng (tương đương 23,35 triệu USD). Sử dụng như sau:

+ Vốn đối ứng ngân sách Trung ương bố trí để trả lãi vay trong thời gian thực hiện dự án, tương ứng số vốn do ngân sách Trung ương cấp phát (60% tổng số vốn vay).

+ Vốn đối ứng ngân sách tỉnh bố trí để thực hiện các nội dung: trả lãi vay trong quá trình thực hiện dự án, tương ứng số vốn do tỉnh Thanh Hóa vay lại (40% tổng số vốn vay); phí thu xếp, phí cam kết, phí quản lý cho vay lại; thuế VAT; chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng; chi phí quản lý dự án; chi phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và các báo cáo thành phần; chi phí khảo sát và thiết kế bản vẽ thi công; chi phí rà phá bom mìn; chi phí hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ thực hiện dự án; các chi phí khác (thẩm tra, lựa chọn nhà thầu, bảo hiểm ...).

### 2.3. Phương án sử dụng vốn vay, trả nợ vốn vay lại

#### \* Phương án sử dụng vốn vay lại

- Tổng vốn ngân sách tỉnh vay lại thực hiện từ năm 2020 đến năm 2023 là 21,315 triệu USD tương đương 479,585 tỷ đồng.

- Kế hoạch sử dụng vốn vay lại dự kiến cho từng năm:

+ Năm 2020: 26,973 tỷ đồng, tương đương 1,199 triệu USD;

+ Năm 2021: 142,436 tỷ đồng, tương đương 6,330 triệu USD;

+ Năm 2022: 155,385 tỷ đồng, tương đương 6,906 triệu USD;

+ Năm 2023: 154,791 tỷ đồng, tương đương 6,880 triệu USD.

#### \* Phương án trả nợ vốn vay lại:

- Các nội dung của phương án:

+ Điều kiện vay lại: đồng tiền cho vay lại bằng USD, lãi suất vay bằng Lãi suất LIBOR kỳ hạn 06 tháng cộng với khoản chênh lệch biến đổi. Phí cam kết ở mức 0,25%/năm tính trên số vốn đã cam kết nhưng chưa giải ngân. Phí thu xếp ở mức 0,25%/năm tính trên toàn bộ khoản vay.

+ Thời gian vay lại: 24 năm trong đó có 5 năm ân hạn. Vốn gốc của khoản tín dụng được hoàn trả đều theo tỷ lệ phần trăm và thời gian thanh toán như trong Hiệp định vay.

+ Theo các dữ liệu tạm xác định tới thời điểm hiện tại (lãi suất vay từng kỳ, dự kiến vốn rút...), tổng nợ tỉnh Thanh Hóa phải trả từ năm 2024 - 2042 ước tính 681,65 tỷ đồng, tương đương 30,296 triệu USD (phần lãi và phí trong thời gian thực hiện dự án 2019 - 2023 đã được tính trong vốn đối ứng thực hiện dự án); trong đó: trả nợ gốc 479,585 tỷ đồng, tương đương 21,315 triệu USD; trả lãi và các loại phí 202,065 tỷ đồng, tương đương 8,981 triệu USD.

\* *Kinh phí trả nợ hàng năm*: từ năm 2024 đến năm 2042, mỗi năm ngân sách tỉnh Thanh Hóa bố trí bình quân 35,9 tỷ đồng, tương đương 1,595 triệu USD để trả gốc và lãi, phí; trong đó: năm trả thấp nhất là 26,027 tỷ đồng, tương đương 1,157 triệu USD; năm trả cao nhất là 45,22 tỷ đồng, tương đương 2,01 triệu USD.

\* *Nguồn vốn trả nợ*: vốn ngân sách tỉnh.

### 2.4. Kế hoạch bố trí vốn để thực hiện dự án:

Tổng số vốn tỉnh Thanh Hóa phải bố trí để thực hiện dự án (bao gồm cả trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và vốn đối ứng thực hiện dự án): 1.206,96 tỷ đồng (tương đương 53,643 triệu USD), trong đó:

- Vốn trả nợ gốc, lãi, các khoản phí (từ năm 2024 đến năm 2042) là 681,65 tỷ đồng (tương đương 30,296 triệu USD).

- Vốn đối ứng thực hiện dự án: 525,31 tỷ đồng (tương đương 23,35 triệu USD).

### 2.5. Thời gian thực hiện: dự kiến từ năm 2019 - 2023.

#### IV. KIẾN NGHỊ

Ban Kinh tế - Ngân sách kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị thông qua Nghị quyết về việc thống nhất phương án đầu tư, sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới thực hiện dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu Dự án đô thị Tỉnh Gia.

Ban Kinh tế - Ngân sách kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH  
TRƯỞNG BAN**



**Lại Thế Nguyên**